

Số: 26/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2013

THÔNG TƯ
Về quản lý giống thủy sản

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 của Nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư về quản lý giống thủy sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định quản lý về điều kiện sản xuất kinh doanh, chất lượng, khảo nghiệm, kiểm định giống thủy sản và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thông tư này không bao gồm nội dung kiểm dịch giống thủy sản; cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu giống thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chất lượng, khảo nghiệm, kiểm định giống thủy sản tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giống thủy sản*: Là các loài động vật, thực vật thủy sản kể cả trứng, phôi, tinh trùng và ấu trùng của chúng sử dụng để sản xuất giống, làm con giống cho nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí.

2. *Giống thủy sản mới*: Là giống thủy sản lần đầu tiên được nhập vào hoặc lần đầu tiên được tạo ra ở Việt Nam.

3. *Giống thủy sản bố mẹ chủ lực gồm*: Tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* *Penaeus vannamei*), tôm sú (*Penaeus monodon*), cá tra (*Pangasius hypophthalmus*), cá rô phi (*Oreochromis spp.*).

4. *Tạo giống*: Là việc chọn, lai, thụ tinh hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật di truyền khác để tạo ra một giống mới.

5. *Ương giống thủy sản*: Là việc nuôi ấu trùng thủy sản qua các giai đoạn biến thái phát triển hoàn thiện để thành con giống.

6. *Dưỡng giống thủy sản*: Là việc nuôi con giống thủy sản tại cơ sở sản xuất kinh doanh trong một thời gian sau khi được vận chuyển từ trại sản xuất giống về để phục hồi sức khỏe, tăng kích cỡ giống.

7. *Khảo nghiệm giống thủy sản*: Là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi giống thủy sản trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của giống đó.

8. *Kiểm định giống thủy sản*: Là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh, đặc tính của giống thủy sản sau khi đưa ra sản xuất hoặc làm cơ sở công bố chất lượng giống thủy sản phù hợp tiêu chuẩn.

Điều 3. Phí, lệ phí

1. Phí, lệ phí trong công tác quản lý giống thủy sản được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Chi phí khảo nghiệm, kiểm định giống thủy sản thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ sở khảo nghiệm, kiểm định với cơ sở có giống thủy sản cần khảo nghiệm, kiểm định dựa trên các định mức cơ bản của Bộ Tài chính và chi phí thực tế.

Chương II

ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN

Điều 4. Điều kiện đối với cơ sở sinh sản giống thủy sản

Tổ chức, cá nhân thực hiện cho sinh sản giống thủy sản phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư về giống thủy sản hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu, sản xuất giống thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Địa điểm xây dựng phải theo quy hoạch của địa phương hoặc có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền;

3. Có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp nuôi trồng thủy sản trở lên hoặc có giấy chứng nhận/chứng chỉ được đào tạo về nuôi trồng thủy sản do cơ quan có chức năng cấp;

4. Có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập về. Cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với từng loài thủy sản và từng phẩm cấp giống đáp ứng theo QCVN 02-15:2009/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất thủy sản;

5. Có bảng hiệu, địa chỉ rõ ràng;

6. Phải công bố tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản và đảm bảo chất lượng giống thủy sản đã công bố; thực hiện ghi nhãn giống thủy sản khi lưu thông theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

7. Thực hiện ghi chép hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh giống thủy sản, nội dung ghi chép quy định tại mục A, Phụ lục 2 và lưu giữ hồ sơ tối thiểu là ba (03) năm.

Đối với cơ sở sản xuất giống thủy sản đã đăng ký áp dụng quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP, GlobalGAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương trở lên, thực hiện lập hồ sơ quản lý quá trình sản xuất giống theo tiêu chí quy định của quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và hướng dẫn của tổ chức có thẩm quyền đánh giá, chứng nhận.

Điều 5. Điều kiện đối với cơ sở ương, dưỡng giống thủy sản

Tổ chức, cá nhân thực hiện ương, dưỡng giống thủy sản phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau:

1. Đáp ứng các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6, Điều 4 Thông tư này;

2. Có cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với từng loài thủy sản và từng phẩm cấp giống: Hệ thống bể, ao ương, dưỡng giống thủy sản; nguồn nước sạch và hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt; thiết bị, dụng cụ đảm bảo cho việc ương, dưỡng giống thủy sản.

3. Thực hiện ghi chép hồ sơ theo dõi trong quá trình ương, dưỡng giống thủy sản, nội dung ghi chép quy định tại mục B, Phụ lục 2 và thực hiện lưu giữ hồ sơ tối thiểu là hai (02) năm.

Điều 6. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ

1. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ

Tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau:

a) Đáp ứng các quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Thông tư này.

b) Có ít nhất một nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành nuôi trồng thủy sản trở lên.

2. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ chủ lực.

Tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ chủ lực phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau:

a) Đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có đàn giống thủy sản đảm bảo chất lượng: giống thuần chủng hoặc giống đã được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc có phẩm cấp giống là kết quả của đề tài, dự án nghiên cứu/chọn tạo đã được công nhận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân trước khi sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ chủ lực phải gửi văn bản thông báo đến Tổng cục Thủy sản để tổng hợp, theo dõi và quản lý (theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương III

CHẤT LƯỢNG GIỐNG THỦY SẢN

Điều 7. Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với giống thủy sản

1. Cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản tự công bố tiêu chuẩn áp dụng. Trình tự xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn được thực hiện theo Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, Thông tư 29/2011/TT-BKHHCN ngày 15/11/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản gửi 01 bộ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đến cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương để cập nhật và theo dõi quản lý.

3. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải chịu trách nhiệm về chất lượng giống thủy sản theo đúng hồ sơ đã công bố.

Điều 8. Chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy giống thủy sản

Việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thực hiện theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 về việc hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Chất lượng giống thủy sản

1. Chất lượng con giống thủy sản đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo theo Tiêu chuẩn cơ sở đã công bố;

b) Trước khi lưu thông phải thực hiện kiểm dịch theo quy định;

c) Khi vận chuyển giống về cơ sở để ương, dưỡng thành giống lớn phải có hóa đơn ghi xuất xứ rõ ràng, có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc mua giống để ương thành giống lớn hoặc nơi tiếp nhận có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề ương giống.

2. Chất lượng giống thủy sản bố mẹ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo theo Tiêu chuẩn cơ sở đã công bố;

b) Trước khi lưu thông phải thực hiện kiểm dịch theo quy định.

3. Chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng các quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Được kiểm tra xét nghiệm các bệnh trước khi cho sinh sản theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH GIỐNG THỦY SẢN

Điều 10. Nguyên tắc về khảo nghiệm

1. Các trường hợp phải khảo nghiệm:

a) Giống thủy sản lần đầu tiên được tạo ra trong nước.

b) Giống thủy sản mới lần đầu được nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Đối với giống thủy sản đã qua nghiên cứu, lai tạo theo đề tài/dự án đã được công nhận cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước thì được công nhận là giống mới, Tổng cục Thủy sản tổng hợp, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào danh mục giống thủy sản được phép sản xuất kinh doanh.

Điều 11. Điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản

Cơ sở thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau:

1. Đã đăng ký hoạt động khảo nghiệm giống thủy sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có chức năng nghiên cứu về giống thủy sản;

2. Có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu sinh thái của đối tượng khảo nghiệm; phù hợp với quy hoạch và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng đối tượng, phẩm cấp giống thủy sản: có số lượng ao hoặc bể phù hợp với việc bố trí khảo nghiệm, đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo; đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản; có đủ thức ăn, hóa chất, sản phẩm khác phục vụ trong quá trình khảo nghiệm.

4. Có ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành nuôi trồng thủy sản trở lên.

Điều 12. Thủ tục công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm

1. Hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (*theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (*theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này*);

c) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề phù hợp;

d) Văn bằng tốt nghiệp của 02 nhân viên kỹ thuật.

Hồ sơ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này là bản sao chụp và mang theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc bản sao hợp pháp với trường hợp cơ sở gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

2. Trình tự công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm:

a) Cơ sở đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư này có nhu cầu đăng ký, gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Tổng cục Thủy sản.

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết Tổng cục Thủy sản tổ chức kiểm tra thực tế của cơ sở về các điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư này.

d) Trường hợp cơ sở đáp ứng yêu cầu, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế của cơ sở, Tổng cục Thủy sản ban hành Quyết định công nhận và bổ sung vào Danh sách cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản. Trường hợp cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, đoàn kiểm tra ghi biên bản yêu cầu khắc phục và tiến hành kiểm tra lại sau khi cơ sở đã khắc phục xong và có văn bản đề nghị kiểm tra lại.

đ) Quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản có hiệu lực 05 năm. Trước khi hết hạn 03 tháng cơ sở có nhu cầu đăng ký lại làm văn bản gửi Tổng cục Thủy sản, hồ sơ đăng ký lại theo Khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ đăng ký lại:

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (*theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Bản thuyết minh các điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (*theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này*).

4. Trình tự đăng ký lại: thực hiện theo Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Thủ tục khảo nghiệm giống thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm giống thủy sản nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Tổng cục Thủy sản, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản (*theo Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản (*theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này*);

c) Hợp đồng khảo nghiệm giữa tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm với cơ sở khảo nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản công nhận;

d) Tài liệu kỹ thuật về đặc tính sinh học, sinh sản, sinh trưởng của giống mới.

2. Trình tự thực hiện:

a) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc Tổng cục Thủy sản kiểm tra nếu hồ sơ chưa đầy đủ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Thủy sản tổ chức thẩm định Đề cương khảo nghiệm và trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý hoặc đề nghị chỉnh sửa.

c) Cơ sở khảo nghiệm thực hiện khảo nghiệm theo đề cương đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

d) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, Cơ sở khảo nghiệm gửi báo cáo kết quả khảo nghiệm cho tổ chức, cá nhân có giống thủy sản đăng ký khảo nghiệm (*theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này*).

3. Giám sát khảo nghiệm:

a) Đơn vị giám sát: Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại địa phương nơi tiến hành khảo nghiệm.

b) Nội dung giám sát: Theo các nội dung trong đề cương khảo nghiệm giống thủy sản.

c) Trong thời gian giám sát nếu có vấn đề đột xuất, đơn vị giám sát yêu cầu cơ sở khảo nghiệm thực hiện theo đúng đề cương đã được duyệt.

d) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, đơn vị giám sát khảo nghiệm gửi báo cáo kết quả giám sát về Tổng cục Thủy sản và tổ chức, cá nhân có giống thủy sản khảo nghiệm.

4. Kiểm tra khảo nghiệm:

a) Kiểm tra định kỳ: Tổng cục Thủy sản tổ chức đoàn kiểm tra hoạt động khảo nghiệm giống thủy sản theo định kỳ không quá 02 lần trong thời gian khảo nghiệm. Nội dung và thời gian kiểm tra được thông báo trước cho cơ sở khảo nghiệm và tổ chức, cá nhân có giống thủy sản đăng ký khảo nghiệm.

b) Kiểm tra đột xuất: Trường hợp cần thiết, không thông báo trước, Tổng cục Thủy sản tổ chức đoàn kiểm tra trực tiếp công tác khảo nghiệm giống thủy sản.

c) Thành phần đoàn kiểm tra: Là đại diện cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản thuộc Tổng cục Thủy sản và đơn vị quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương (nếu cần).

Điều 14. Thủ tục công nhận giống thủy sản mới

1. Hồ sơ đề nghị đánh giá và công nhận giống thủy sản mới: Sau khi kết thúc khảo nghiệm, Tổ chức, cá nhân có giống thủy sản khảo nghiệm gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đánh giá và công nhận giống thủy sản về Tổng cục Thủy sản, hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị đánh giá và công nhận kết quả khảo nghiệm (*theo Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (*theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này*);

2. Trình tự công nhận giống thủy sản mới:

a) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị đánh giá công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, Tổng cục Thủy sản thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá kết quả khảo nghiệm.

b) Sau khi được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá và kết luận đạt yêu cầu, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản ban hành Quyết định công nhận giống thủy sản mới (*theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này*). Trường hợp Hội đồng đánh giá không đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho cơ sở có giống thủy sản khảo nghiệm được biết.

Cơ sở được phép sản xuất kinh doanh giống ngay sau khi có Quyết định công nhận giống thủy sản mới.

c) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc sau khi ban hành Quyết định công nhận giống thủy sản mới, Tổng cục Thủy sản trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào danh mục giống thủy sản được phép sản xuất kinh doanh.

Điều 15. Kiểm định giống thủy sản

1. Các trường hợp kiểm định:

- a) Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân;
- b) Theo yêu cầu quản lý.

2. Cơ quan thực hiện kiểm định: Tổng cục Thủy sản.

2. Việc kiểm định giống thủy sản theo từng chỉ tiêu, từng loại giống, từng phẩm cấp giống. Kết quả thực hiện kiểm định giống thủy sản do Tổng cục Thủy sản công bố.

Chương V

KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG GIỐNG THỦY SẢN

Điều 16. Kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản

1. Cơ quan kiểm tra: là Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Căn cứ kiểm tra: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trình tự, nội dung thực hiện kiểm tra theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 về việc quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm sản và Thông tư số

01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT.

Điều 17. Kiểm tra chất lượng giống thủy sản trong sản xuất kinh doanh

1. Nguyên tắc kiểm tra:

a) Việc kiểm tra chất lượng giống thủy sản (bao gồm cả các quy định về bệnh) được thực hiện tại cơ sở sản xuất.

b) Việc kiểm tra chất lượng giống thủy sản tại địa phương nơi tiếp nhận chỉ được thực hiện khi có nghi vấn. Nội dung và trình tự kiểm tra thực hiện theo nội dung, trình tự kiểm tra chất lượng giống thủy sản trong sản xuất.

c) Kiểm tra chất lượng giống thủy sản trong sản xuất kinh doanh thực hiện theo hình thức Đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra do cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản thành lập, cơ quan quản lý thú y tham gia, phối hợp (nếu cần).

2. Cơ quan kiểm tra:

a) Tổng cục Thủy sản: Kiểm tra đột xuất về chất lượng giống thủy sản trong sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước.

b) Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp kiểm tra chất lượng giống thủy sản trong sản xuất kinh doanh.

3. Căn cứ kiểm tra:

a) Tiêu chuẩn cơ sở đã công bố áp dụng;

b) Quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chất lượng giống thủy sản.

4. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra chất lượng giống thủy sản trên cơ sở các chỉ tiêu chất lượng đã được tổ chức, cá nhân công bố hoặc đăng ký áp dụng (kích cỡ, số lượng, chủng loại, tuổi, độ thuần chủng, tỷ lệ phân đàn, trạng thái hoạt động của giống thủy sản, thời gian sử dụng, số lần cho sinh sản,...) theo Khoản 3 Điều này;

b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, ghi nhãn, dấu hợp chuẩn và hồ sơ trong quá trình sản xuất kinh doanh giống thủy sản;

c) Lấy mẫu, xét nghiệm mẫu để kiểm tra sự phù hợp của giống thủy sản với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Việc kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm này được thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng sau khi thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 4 Điều này.

5. Hình thức kiểm tra:

a) Theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt: là hình thức kiểm tra được thông báo trước bằng văn bản.

b) Kiểm tra đột xuất: là hình thức kiểm tra không báo trước.

6. Trình tự kiểm tra chất lượng giống thủy sản:

- a) Công bố quyết định thành lập đoàn kiểm tra;
- b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Lập biên bản kiểm tra;
- d) Thông báo cho cơ sở sản xuất kinh doanh và báo cáo cho Cơ quan kiểm tra về kết quả kiểm tra;
- đ) Xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu

1. Nguyên tắc kiểm tra:

a) Việc kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau: Giống thủy sản nhập khẩu để khảo nghiệm, nghiên cứu, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

b) Việc giảm, miễn kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu dựa trên hồ sơ lưu trữ và kết quả kiểm tra cùng một sản phẩm của cùng nhà sản xuất trong thời gian trước đó, tối thiểu 03 lô hàng (đối với trường hợp giảm kiểm tra), 05 lô hàng (đối với trường hợp miễn kiểm tra) liên tiếp đạt chất lượng, Tổng cục Thủy sản quyết định và có văn bản thông báo về việc giảm, miễn kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu cho doanh nghiệp.

c) Địa điểm kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu là địa điểm thực hiện cách ly kiểm dịch.

d) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống thủy sản sau khi đã thực hiện xong thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu, gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu về Cơ quan kiểm tra chất lượng.

2. Cơ quan kiểm tra chất lượng:

a) Tổng cục Thủy sản: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực nhập khẩu.

b) Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu về Cơ quan kiểm tra chất lượng. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hoá (Packinglist), hoá đơn mua bán (Invoice).

4. Trình tự thực hiện:

a) Ngay khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, Cơ quan kiểm tra chất lượng xem xét và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Cơ quan kiểm tra chất lượng.

5. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra thực tế lô giống nhập khẩu so với hồ sơ đăng ký;

b) Các chỉ tiêu kiểm tra đối với giống thủy sản bố mẹ: Kiểm tra kích cỡ, số lượng, tuổi, độ thuần chủng, kích cỡ sinh sản, độ thành thực, tỷ lệ đực cái, trạng thái hoạt động, cấu tạo hình thái, chỉ tiêu khác về chất lượng của giống thủy sản so với các quy định hiện hành của Việt Nam.

c) Các chỉ tiêu kiểm tra đối với con giống thủy sản để nuôi thương phẩm: Kiểm tra kích cỡ, số lượng, tuổi, độ thuần chủng, trạng thái hoạt động, cấu tạo hình thái, chỉ tiêu khác về chất lượng của giống thủy sản so với các quy định hiện hành của Việt Nam.

6. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13) đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định, Cơ quan kiểm tra có văn bản Thông báo không đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13) cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 19. Kiểm tra cơ sở sản xuất giống thủy sản tại nước xuất khẩu

1. Căn cứ theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận, hợp tác về giống thủy sản với cơ quan quản lý thủy sản của các nước (nước xuất khẩu), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định việc thành lập đoàn, kế hoạch và nội dung kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất giống thủy sản tại nước xuất khẩu vào Việt Nam.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh thú y;

b) Công nghệ chọn tạo và sản xuất giống thủy sản;

c) Hồ sơ trong quá trình sản xuất giống thủy sản;

d) Một số nội dung khác.

3. Kinh phí thực hiện kiểm tra: do ngân sách nhà nước bố trí hàng năm theo quy định hiện hành.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 20. Tổng cục Thủy sản

1. Quản lý nhà nước về giống thủy sản trong phạm vi cả nước. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản lý giống thủy sản.
2. Kiểm tra cơ sở sản xuất giống thủy sản tại nước xuất khẩu vào Việt Nam. Kiểm tra chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực nhập khẩu hoặc uỷ quyền cho cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương thực hiện.
3. Thẩm định hồ sơ đăng ký, đánh giá và công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản và hồ sơ đăng ký, đánh giá, công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản theo quy định.
4. Kiểm tra về điều kiện của cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ chủ lực (khi tổ chức cá nhân thông báo về việc sản xuất giống thủy sản bố mẹ chủ lực) hoặc uỷ quyền cho cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương thực hiện.
5. Kiểm tra, thanh tra về giống thủy sản trong phạm vi cả nước; kiểm tra trách nhiệm của cơ quan quản lý địa phương trong việc quản lý giống thủy sản.
6. Tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất kinh doanh.
7. Tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 21. Cục Thú y

1. Chỉ đạo cơ quan quản lý thú y địa phương phối hợp tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát về chất lượng giống thủy sản.
2. Phối hợp với Tổng cục Thủy sản trong công tác quản lý giống thủy sản theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý nhà nước về giống thủy sản theo Thông tư này trên địa bàn quản lý.
2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan trực thuộc trong công tác quản lý giống thủy sản trên địa bàn quản lý.
3. Chỉ đạo cơ quan quản lý thú y thủy sản và cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra, kiểm soát về giống thủy sản tại cùng thời điểm, tránh phiền hà đến doanh nghiệp.
4. Tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, chất lượng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh về Tổng cục Thủy sản định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu và sau các đợt thanh tra, kiểm tra về giống thủy sản.

Điều 23. Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương

1. Tổ chức thống kê, kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh, ương, dưỡng giống thủy sản; kiểm tra chất lượng giống thủy sản trên địa bàn quản lý theo quy định.

2. Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).

3. Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh, ương, dưỡng giống thủy sản; cơ quan quản lý thú y thủy sản phối hợp thực hiện tại cùng thời điểm.

4. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định hiện hành.

5. Hàng năm tổ chức tập huấn, phổ biến các quy định của pháp luật về giống thủy sản, kỹ thuật sản xuất giống thủy sản.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục Thủy sản ủy quyền.

7. Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, chất lượng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh về Tổng cục Thủy sản định kỳ hàng quý, 6 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu; sau khi kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu và sau các đợt thanh tra, kiểm tra về giống thủy sản.

Điều 24. Cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản

1. Xây dựng đề cương và thực hiện khảo nghiệm theo đúng đề cương được duyệt.

2. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân có giống thủy sản khảo nghiệm thực hiện các nội dung trong Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm; có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ tối thiểu 05 năm.

4. Trường hợp kết quả không chính xác, gây thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và người nuôi trồng thủy sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường chi phí khảo nghiệm cho tổ chức, cá nhân có giống thủy sản khảo nghiệm và bồi thường thiệt hại trong quá trình sản xuất kinh doanh và sử dụng giống thủy sản do khảo nghiệm sai gây ra.

Điều 25. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, ương, dưỡng, giống thủy sản

1. Thực hiện các quy định liên quan đến giống thủy sản theo Thông tư này.

2. Cung cấp tài liệu, hồ sơ có liên quan và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan kiểm tra trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về giống thủy sản do mình sản xuất kinh doanh, chỉ được đưa giống thủy sản đảm bảo chất lượng ra lưu thông.

4. Nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

5. Có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, các quy định, mẫu biểu liên quan đến giống thủy sản theo quy định của pháp luật.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

Trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ quan có chức năng khảo nghiệm được quy định tại Quyết định số 18/2002/QĐ-BTS ngày 03 tháng 6 năm 2002 về việc ban hành Quy chế khảo nghiệm giống thủy sản, thức ăn, thuốc, hoá chất và chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản phải thực hiện đăng ký công nhận lại theo quy định của Thông tư này.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế những nội dung liên quan đến khảo nghiệm giống thủy sản tại Quyết định số 18/2002/QĐ-BTS ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành quy chế khảo nghiệm giống thủy sản, thức ăn, thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản và thay thế Khoản 3 mục III Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề mới phát sinh, kịp thời báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy sản) để xem xét, sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan;
- UBND các Tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các Tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp;
- Các Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng - Bộ NN&PTNT;
- Website Chính phủ, Công báo Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Vũ Văn Tám

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN GHI NHÃN GIỐNG THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Đối với giống thủy sản có bao bì chứa đựng khi lưu thông phải được ghi nhãn với nội dung như sau:

- a) Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học);
- b) Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất;
- c) Số lượng giống thủy sản;
- d) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (kích cỡ, màu sắc, chỉ tiêu về bệnh, ngày tuổi);
- đ) Số công bố Tiêu chuẩn cơ sở;
- e) Ngày sản xuất;
- f) Hướng dẫn vận chuyển, hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

2. Đối với giống thủy sản không có bao bì chứa đựng khi lưu thông phải có Bản kê khai chỉ tiêu chất lượng giống và được xác nhận của chủ cơ sở, có đầy đủ các nội dung như sau:

- a) Tên và địa chỉ, số điện thoại, số Fax của cơ sở sản xuất.
- b) Tên giống thủy sản (tên tiếng Việt và tên khoa học):
- c) Nguồn gốc của giống:
- d) Số lượng giống thủy sản:
- e) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (kích cỡ, màu sắc, chỉ tiêu về bệnh, ngày tuổi):
- f) Số công bố Tiêu chuẩn cơ sở:
- g) Ngày sản xuất:
- h) Thời gian vận chuyển:

Cơ sở cam kết những nội dung kê khai trên là đúng sự thật.

....., ngàytháng ...năm....

Chủ cơ sở

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG GHI CHÉP HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. NỘI DUNG GHI CHÉP TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỐNG

I. Ghi chép về sử dụng giống thủy sản bố mẹ:

1. Thời gian nhập giống thủy sản bố mẹ;
2. Có được kiểm dịch hay không kiểm dịch, kết quả kiểm dịch;
3. Nguồn gốc giống thủy sản bố mẹ;
4. Thời gian tuyển chọn đưa vào nuôi vỗ;
5. Số lượng cá thể tham gia sinh sản; đực, cái;
6. Khối lượng;
7. Một số yếu tố môi trường (Oxy, pH, T^o, S^o/₁₀₀,...);
8. Tình hình sức khỏe;
9. Kết quả kiểm tra bệnh;
10. Phòng bệnh và biện pháp xử lý bệnh nếu có;
11. Tham gia sinh sản lần thứ mấy? Ngày cho sinh sản.
12. Sử dụng thức ăn của công ty(tên, loại số lượng, thời gian sử dụng);
13. Hóa chất xử lý hăng sản xuất..... (tên, loại, số lượng, thời gian sử dụng);
14. Thuốc (tên, loại, số lượng, thời gian sử dụng).

II. Quá trình sản xuất từng lô

1. Thời gian;
2. Tỷ lệ đẻ;
3. Tỷ lệ nở, mật độ ương;
4. Số lượng giống sản xuất được;
5. Phòng bệnh và biện pháp xử lý bệnh nếu có;
6. Tình trạng sức khỏe của con giống trước khi xuất bán;
7. Sử dụng thức ăn:(tên, loại số lượng, thời gian sử dụng);
8. Hóa chất xử lý của công ty:(tên, loại số lượng, thời gian sử dụng);
9. Ngày xuất bán;
10. Địa chỉ khách hàng mua giống.

B. NỘI DUNG GHI CHÉP TRONG QUÁ TRÌNH ƯƠNG, DƯỠNG GIỐNG

1. Quá trình ương, dưỡng từng lô giống, nguồn gốc;
2. Chứng từ mua ấu trùng, giống;
3. Số lượng, kích cỡ;
4. Một số yếu tố môi trường nuôi (Oxy, pH, T^o, S^o/₁₀₀,...);
5. Diện tích từng ao ương hoặc thể tích bể ương;
6. Sử dụng thức ăn, thuốc, hóa chất (tên, loại số lượng, thời gian sử dụng);
7. Tình hình bệnh dịch và các biện pháp xử lý nếu có;
8. Thời gian ương nuôi, số lượng giống đạt được, tỷ lệ sống;
9. Địa chỉ và số lượng giống xuất bán cho khách hàng.

Phụ lục 4

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI GIỐNG THỦY SẢN BỐ MẸ CHỦ LỰC (Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Các bệnh phải kiểm tra xét nghiệm trước khi cho sinh sản:

TT	Tên giống thủy sản	Tên bệnh
1	Tôm thẻ chân trắng	- Bệnh đốm trắng/White Spot Disease (WSD); - Hội chứng Taura/Taura Syndrome (TS); - Bệnh đầu vàng/Yellow Head Disease (YHD/GAD).
2	Tôm sú	- Bệnh đốm trắng/White Spot Disease (WSD); - Bệnh đầu vàng/Yellow Head Disease (YHD/GAD).
3	Cá tra	Bệnh đốm trắng nội tạng (bệnh gan thận mũ) ở cá da trơn/Enteric Septicaemia of Catfish (ESC)

2. Một số yêu cầu kỹ thuật đối với giống thủy sản bố mẹ chủ lực:

TT	Tên giống thủy sản	Số cho sinh sản	Thời gian	Khối lượng/Kích cỡ	Chỉ tiêu khác
1	Tôm thẻ chân trắng	-	Sử dụng không quá 03 tháng kể từ ngày nhập về cơ sở	- Tôm cái không dưới 45 gram/ cá thể; - Tôm đực không dưới 40 gram/cá thể	- Cơ thể nguyên vẹn, cân đối, vỏ không thô ráp hoặc dập nứt. - Râu dài 1,5 - 2,0 lần chiều dài thân, đầy đủ các phần phụ bộ
2	Tôm sú	Tôm sú mẹ cho sinh sản tối đa không quá 3 lần/vòng đời	-	- Tôm cái không dưới 150 gram/cá thể. - Tôm đực không dưới 120 gram/cá thể	Không dị hình; râu A2 không bị mòn, không ngắn hơn chiều dài toàn thân; bộ phận sinh dục ngoài hoàn chỉnh
3	Cá tra	Cá cái cho sinh sản không quá 2 lần/năm	Cho sinh sản không quá 6 năm	-	Không dị hình
4	Cá rô phi	Cá cái cho sinh sản không quá 10 lần/năm	Cho sinh sản không quá 2 năm	-	Không dị hình

Phụ lục 5
ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

Kính gửi : Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên cơ sở:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax : E-mail:

- Họ tên, chức danh chủ cơ sở :

2. Hình thức đề nghị công nhận

+ Công nhận mới:

+ Công nhận lại:

3. Lĩnh vực đề nghị công nhận: Khảo nghiệm giống thủy sản.

4. Hồ sơ đính kèm:

Chúng tôi cam kết thực hiện quy định về khảo nghiệm giống thủy sản và các quy định khác có liên quan đến giống thủy sản.

..... , ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

1. Cơ sở khảo nghiệm:

Tên cơ sở:

Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

2. Vị trí, địa điểm thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản

3. Cơ sở, hạ tầng và trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm

4. Nhân lực kỹ thuật cho hoạt động khảo nghiệm

5. Điều kiện kinh tế, xã hội khu vực xung quanh cơ sở khảo nghiệm

6. Điều kiện an ninh trật tự khu vực xung quanh cơ sở khảo nghiệm.

....., ngày tháng năm 20

Đại diện cho cơ sở khảo nghiệm
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 7
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM
GIỐNG THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản – Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên cơ sở:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đầu tư) số:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị Tổng cục Thủy sản cho phép khảo nghiệm giống..... Cụ thể như sau:

1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:
2. Tên giống thủy sản (kèm tên khoa học) đăng ký khảo nghiệm:
3. Nguồn gốc của giống:
4. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:
5. Thời gian dự kiến khảo nghiệm:
6. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm:
7. Hồ sơ đính kèm:

Công ty cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến giống thủy sản.

....., ngày tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 8
MẪU ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án khảo nghiệm:

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm

- Tên cơ sở:.....
- Tên người đại diện:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

3. Cơ sở yêu cầu khảo nghiệm.

- Tên cơ sở:
- Tên người đại diện:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

4. Tên, địa chỉ của đơn vị giám sát (bao gồm cả số điện thoại, fax)

5. Đối tượng khảo nghiệm

- 5.1. Tên giống thủy sản khảo nghiệm (vị trí phân loại, tên khoa học)
- 5.2. Giai đoạn phát triển của đối tượng khảo nghiệm (đối tượng thủy sản và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống; giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ).
- 5.3. Xuất xứ (tên quốc gia/ vùng lãnh thổ sản xuất ra đối tượng khảo nghiệm)
- 5.4. Khái quát về đặc điểm sinh học, tập tính sống, tính ăn, mùa vụ sinh sản, vùng phân bố.
- 5.5. Hướng dẫn quy trình sản xuất (theo nhà sản xuất).
- 5.6. Các tài liệu liên quan đến đối tượng khảo nghiệm (các thông tin về đặc điểm về dinh dưỡng, sinh trưởng, sinh sản, các bệnh thường gặp và phương pháp phòng, trị bệnh; quy trình sản xuất, về giá trị kinh tế và các tài liệu khác liên quan đến đối tượng khảo nghiệm cần được đưa vào phần Phụ lục đề cương)

6. Cơ sở sản xuất đối tượng khảo nghiệm (nhà sản xuất)

- 6.1. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất (bao gồm cả số điện thoại, fax, email, website nếu có).
- 6.2. Thông tin cơ bản về cơ sở sản xuất (có thể đưa thông tin chi tiết vào phần Phụ lục đề cương để làm rõ vị thế/ uy tín của nhà sản xuất và có thể để cơ quan quản lý tra cứu).

7. Sự cần thiết phải khảo nghiệm

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

1. Mục đích khảo nghiệm

2. Nội dung khảo nghiệm

2.1. Đối với giống nhập nội để nuôi thương phẩm:

Nội dung khảo nghiệm từ giai đoạn giống được nhập lên cỡ thương phẩm.

2.2. Đối với giống nhập nội để sản xuất giống nhân tạo:

Nội dung khảo nghiệm từ giai đoạn giống lên bố mẹ, cho đẻ lần đầu và ương từ bột/ấu trùng lên cỡ giống.

2.3. Đối với giống mới được tạo ra lần đầu trong nước nhờ ứng dụng các công nghệ di truyền và chọn giống:

Nội dung khảo nghiệm từ bột lên cỡ bố mẹ, cho đẻ

2.4. Các nội dung, chỉ tiêu theo dõi, đánh giá:

Đặc điểm dinh dưỡng, tốc độ sinh trưởng (chiều dài, khối lượng), tỷ lệ sống. Nghiên cứu đặc điểm sinh sản (tuổi, cỡ thành thực, mùa vụ sinh sản, sức sinh sản), kỹ thuật sinh sản nhân tạo, kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm; Những bệnh thường gặp trong các giai đoạn phát triển khác nhau. Theo dõi mức độ nhiễm và phát sinh bệnh (do ký sinh trùng, vi khuẩn, virus, bệnh do môi trường...); tập tính ăn, tính cạnh tranh thức ăn giữa giống mới với các đối tượng nuôi gần gũi khác (có họ hàng gần với đối tượng khảo nghiệm, như trong cùng một giống, cùng một họ,...) và so sánh hiệu quả kinh tế giữa giống mới với các đối tượng gần gũi khác đang nuôi trong nước.

Trường hợp đối tượng khảo nghiệm là loài xa lạ với các loài bản địa: cần đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và rủi ro có thể có của việc nhập, sản xuất giống mới được khảo nghiệm.

3. Địa điểm khảo nghiệm (ghi rõ địa chỉ, số điện thoại)

4. Thời gian khảo nghiệm:

4.1. Đối với giống nhập nội để nuôi thương phẩm:

Thời gian khảo nghiệm trọn 01 chu kỳ từ cỡ giống đến thương phẩm.

4.2. Đối với giống nhập nội để sản xuất giống nhân tạo:

Thời gian khảo nghiệm trọn 01 chu kỳ (từ giai đoạn giống được nhập khẩu lên bố mẹ, cho đẻ lần đầu và ương ấu trùng lên cỡ giống).

4.3. Đối với giống mới được tạo ra lần đầu trong nước nhờ ứng dụng các công nghệ di truyền, lai, chọn giống:

Thời gian khảo nghiệm từ cỡ bột (giống nhỏ) lên cỡ bố mẹ, cho đẻ - tiến hành lặp lại ít nhất 02 chu kỳ nuôi.

5. Phương pháp thực hiện

5.1. Bố trí khảo nghiệm

- Sơ đồ bố trí khảo nghiệm

+ Bố trí khảo nghiệm phải phù hợp với từng đối tượng, lứa tuổi của giống thủy sản được khảo nghiệm (đối với thủy sản ở giai đoạn ấu trùng, giai đoạn giống: sử dụng bể xi măng, bể kính, bồn composite, ao,.....; đối với giống thủy sản khảo nghiệm ở giai đoạn nuôi thương phẩm hoặc nuôi lên bố mẹ: sử dụng lồng bè, ao, đảm có điều kiện tương tự như nuôi thương phẩm hoặc nuôi lên bố mẹ thông thường).

+ Quy mô khảo nghiệm và các chỉ tiêu theo dõi đủ để đánh giá chất lượng giống thủy sản được khảo nghiệm.

+ Số lần lặp lại: ít nhất 3 lần.

- Phương pháp quản lý, cho ăn, chăm sóc động vật thủy sản nuôi khảo nghiệm.

5.2.2. Phương pháp xác định các chỉ tiêu:

Phương pháp và tần suất thu mẫu, phương pháp xác định cần đánh giá và các chỉ tiêu cần theo dõi, công thức tính toán.

5.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

6. Phương pháp phân tích sơ bộ hiệu quả (về kinh tế, môi trường)

7. Dự kiến số lượng giống thủy sản (tinh, phôi, trứng, giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống,...) cần sử dụng để khảo nghiệm.

III. TIẾN ĐỘ KHẢO NGHIỆM

IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ KHẢO NGHIỆM

V. NHÂN LỰC THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

ĐẠI DIỆN

CƠ SỞ YÊU CẦU KHẢO NGHIỆM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔNG CỤC THỦY SẢN PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG ^(*)

Hà Nội, ngày.....tháng Năm....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

() : Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định.*

Phụ lục 9
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KHẢO
NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax:; Email:.....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản đánh giá và công nhận kết quả khảo nghiệm giống..... Cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị đăng ký:
2. Tên giống thủy sản (kèm tên khoa học) khảo nghiệm:
3. Nguồn gốc của giống:
4. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm:
5. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:
6. Thời gian khảo nghiệm:
7. Hồ sơ đính kèm gồm:

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày.... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 10
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

Tên khảo nghiệm:

1. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm

- Tên cơ sở:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm.

- Tên cơ sở:

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

3. Thông tin về sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm

3.1. Tên sản phẩm (kèm theo tên khoa học).

3.2. Nơi sản xuất, Cơ sở sản xuất.

3.3. Mục đích khảo nghiệm:

4. Nội dung yêu cầu khảo nghiệm:

5. Địa điểm khảo nghiệm:

6. Thời gian khảo nghiệm:

7. Phương pháp thực hiện khảo nghiệm (theo đề cương khảo nghiệm và các điều chỉnh nếu có)

8. Kết quả khảo nghiệm:

8.1. Kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm về các chỉ tiêu môi trường, bệnh, chất lượng,...

8.2. Đánh giá kết quả khảo nghiệm:

+ Khả năng sử dụng các loại thức ăn;

+ Tốc độ sinh trưởng vật nuôi khảo nghiệm;

+ Tỷ lệ sống, tình trạng sức khỏe giống thủy sản trong các giai đoạn phát triển;

+ Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR);

+ Tính sinh sản của đối tượng khảo nghiệm;

+ Chất lượng sản phẩm nuôi khảo nghiệm;

+ Tác động tới môi trường nuôi thủy sản;

+ Tác động đến giống bản địa;

+ Hiệu quả kinh tế (nếu có);

8.3. Biểu bảng thống kê ghi nhận kết quả khảo nghiệm.

9. Nội dung chính trong từng biên bản giám sát khảo nghiệm.

10. Đánh giá kết quả khảo nghiệm.

11. Kết luận và kiến nghị.

NGƯỜI VIẾT
BÁO CÁO

....., ngày.... tháng.... năm.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
KHẢO NGHIỆM
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CÓ SẢN
PHẨM KHẢO NGHIỆM
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 11
MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN GIỐNG THỦY SẢN MỚI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TCTS-NTTS

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận giống thủy sản mới

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 05/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản;

Căn cứ Pháp Lệnh giống vật nuôi năm 2004;

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-BNNPTNT ngày....tháng.... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận giống là giống thủy sản mới.

Điều 2. Công ty..... được phép sản xuất kinh doanh giống.....theo đúng các quy định hiện hành.

.....
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Nuôi trồng thủy sản, Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản, công ty..... và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Web site TCTS;
- Lưu: VT, NTTS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 12

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp:

Tên người đại diện:.....

Địa chỉ:

Số ĐT:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....

2. Số lượng:..... Khối lượng:.....

3. Tuổi:.....Độ thuần chủng.....

4. Tỷ lệ đực cái.....Độ thành thực(đối với giống bố mẹ)

5. Tên cơ sở sản xuất hàng hoá:.....

6. Nước sản xuất:.....

7. Nơi xuất hàng:.....

8. Nơi nhận hàng:.....

9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:

a).....

b).....

12. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

Ghi chú: Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục./

....., ngày...tháng...năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 13

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cơ quan thông báo:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số: /TCTS-KQKT^(*)

Bên bán hàng: Địa chỉ, Điện thoại, Fax:		Tên cơ sở sản xuất:
		Nơi xuất hàng:
Bên mua hàng Địa chỉ Điện thoại, Fax:		Nơi nhận hàng
Tên hàng hoá:	Số lượng:	Mô tả hàng hoá
Mã số lô hàng:	Khối lượng:	
Căn cứ Hồ sơ đăng ký, kết quả kiểm tra và kết quả xét nghiệm		
(Cơ quan kiểm tra xác nhận)		
Lô hàng Đạt/ Không đạt chất lượng^(**)		

Nơi nhận:

- Cơ sở đăng ký kiểm tra;
- Cơ quan quản lý địa phương;
-
- Lưu: VT, NTTS.

....., ngày.....
Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*): Đơn vị được Tổng cục Thủy sản uỷ quyền ghi Số theo cách tương ứng để quản lý;

(**): Ghi rõ Đạt hoặc Không đạt.